

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/01/2024

“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Trang

Ông Nguyễn Hồng Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:

Bà Lê Trịnh Xuân Trang – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1993

Trú tại: Buôn k, xã E, huyện C, tỉnh Đ.(có mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Hoài B, sinh năm 1990

Trú tại: Buôn k, xã E, huyện C, tỉnh Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Tôi và ông Đặng Hoài B đã tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/6/2017. Thời gian gần đây chúng tôi sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung lý do là ông B không chăm lo vợ con, ham chơi, nợ nần nhiều người đến đòi nợ gây mất trật tự ở địa phương. Cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đặng Hoài B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung là Đặng H.A, sinh năm 14/8/2017 và cháu Đặng T.N, sinh ngày 08/11/2019. Nếu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Hoài B trình bày:

Chúng tôi chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cãi vã lẫn nhau, nhưng nay bà H làm đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn tình cảm với bà H và muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Đặng H.A, sinh năm 14/8/2017 và cháu Đặng T.N, sinh ngày 08/11/2019. Nếu Tòa án giải quyết vợ chồng tôi ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng T.N cho đến khi cháu trưởng thành, giao cháu Đặng H.A cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nên đề nghị xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đặng Hoài B.

- Về con chung: Giao 02 cháu Đặng H.A, sinh năm 14/8/2017 và cháu Đặng T.N, sinh ngày 08/11/2019 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng Hoài B, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Đặng Hoài B có nơi cư trú tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ. Các đương sự có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Đặng Hoài B là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại buôn k, xã E, huyện C, tỉnh Đ, hạnh phúc được thời gian ngắn. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, theo bà H nguyên nhân là do ông B không chăm lo vợ con, ham chơi, nợ nần, để nhiều người đến đòi nợ gây mất trật tự. Do đó bà H làm đơn xin ly hôn với ông Đặng Hoài B.

Tòa án đã đến địa phương xác minh tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị H và ông Đặng Hoài B được biết: Bà H và ông B sinh sống tại địa phương không hoà thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bà H và ông B không yêu cầu ban tự quan thôn, buôn hoà giải nên không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn.

Về điều kiện nuôi con: Được biết bà Lê Thị H hiện đang kinh doanh, buôn bán có thu nhập ổn định. Ông Đặng Hoài B thì công việc chính là môi giới bất động sản, hiện nay thị trường bất động sản đang khó khăn nên thu nhập của ông B không ổn định.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà Lê Thị H và ông Đặng Hoài B không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H, cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đặng Hoài B.

[3] Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là cháu Đặng H.A, sinh năm 14/8/2017 và cháu Đặng T.N, sinh ngày 08/11/2019. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Còn ông B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng T.N cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và giao cháu Đặng H.A cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay công việc của ông B có thu nhập bấp bênh, không ổn định, phụ thuộc vào thị trường bất động sản đang gặp rất nhiều khó khăn. Nếu giao con chung cho ông B nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu. Mặt khác bà Lê Thị H làm công việc kinh doanh, buôn bán tạo ra được thu nhập ổn định, đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao 02 cháu Đặng H.A và cháu Đặng T.N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đặng Hoài B

2. Về con chung: Giao 02 cháu Đặng H.A, sinh năm 14/8/2017 và cháu Đặng T.N, sinh ngày 08/11/2019 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đặng Hoài B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/.0017837 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ LỢI